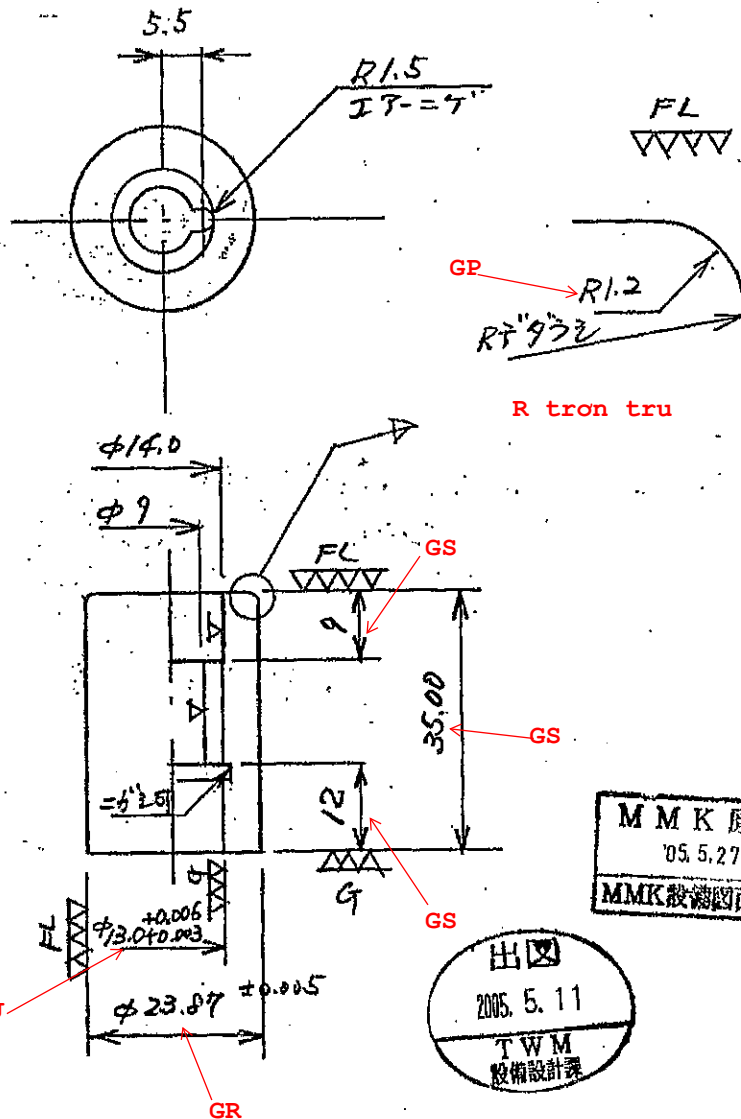


記	年月日	事	担当

213 106 089A

IP



ĐỘ ĐỒNG TRỤC 0.005

同軸度、直角度 0.005 以内

MMK 原紙
05.5.27
MMK 設備図面管理

出
2005. 5. 11
TWM
設備設計課

抽製沖頭

BTR 5069141

新圖面番號 S069141

圖面番號 T-M-04-004M-0.0-1-054-BA

加工公差表示			
0.0000	±0.002	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005
0.000	±0.005	0.000 ⁺⁰	+0 -0.005
0.00	±0.01	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01
0.0	±0.1	0.00 ⁺⁰	+0 -0.01
0.	±0.2	0.0 ⁺⁰	+0 -0.1
		0.0 ⁺⁰	+0 -0.1

公差表示されている場合は、それを優先する

W C (D30 / HIP)		材	質	数 / 台	担当
熱処理	焼入 焼戻	H _R C			
表面処理					
尺 度	/ (/)				

部品名
新圖面番號
S069141

1-054
90/074
931064
RF-370C
3 枚
日付 98.10
承認

SNO: **S069141**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: BTP S069141	GR:90 GS:40 GJ:150 GP:40 AF:30 KT